

## TÁT BÀ ĐA TỠ NI TỠ BÀ SA

### QUYỂN 9

#### **6. Nhân Duyên Kết Chín Mười Pháp Ba-Dật-Đề (Tiếp Theo):**

##### *69. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi chín:*

Tỳ-kheo vu báng Tỳ-kheo khác phạm tội trong Thâu-lan-giá thì phạm Đột-kiết-la, vu báng người khác cũng phạm.

##### *70. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi:*

Giới trước chế đi chung đường với Ni, giới này chế đi chung đường với nữ bạch y, nghĩa đồng, đi với bao nhiêu người nữ thì phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề.

##### *71. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi một:*

Cùng đi với giặc: Bản dịch đời Tần dịch Ca Sa-là y nhuộm, nếu Tỳ-kheo mặc ca-sa này đến chỗ cầm thú sẽ khiến chúng không sợ hãi. Do có thợ săn mặc ca sa giả làm Tỳ-kheo giết chết thú rừng nên từ đó về sau, cầm thú thấy Tỳ-kheo từ xa đều sợ hãi tránh đi. Tỳ-kheo đi với giặc cũng vậy, người nhìn thấy sẽ không khởi tâm tín kính nên Phật chế giới này.

##### *72. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi hai:*

Nếu chưa đủ hai mươi tuổi, tưởng mình chưa đủ thì không đắc giới; thật không đủ cho đến dưới mười chín tuổi đều không đắc giới. Bản dịch đời Hồ nói là mười chín tuổi vẫn đắc giới, bản dịch đời Tần nói phải đủ năm mới đắc giới, nếu không đủ có thể tính cả thời gian ở trong thai mẹ cho đủ. Nói cộng sự là cùng Tăng thuyết giới, tác pháp yết ma...; nói cùng ở chung thì phạm là nếu cùng ở chung ngủ quá hai đêm. Nếu người đã đủ hai mươi tuổi, tưởng là đủ hai mươi, khi ở trong Tăng hỏi lại đáp là không đủ thì có hai trường hợp: Một là vì quên lộn thì người này đắc giới, hai là vì không muốn thọ giới, do thầy cưỡng ép cho thọ nên đáp là không đủ thì người này không đắc giới. Người đã sáu mươi tuổi thì không được thọ giới cụ túc, thầy ép thọ cũng không đắc giới vì người tuổi này già suy, tâm ý chậm lụt, không thể chịu nổi khổ hành đạo, chỉ được làm Sa-di; người chưa tới bảy tuổi cũng không nên độ, nếu độ và

cho thọ giới thì phạm Đột-kiết-la. Khi cho thọ giới, Tăng nên quán sát tướng mạo và hỏi tuổi, nếu chưa đủ hai mươi thì không nên cho thọ giới, vì tuổi này còn non nẩy khinh tháo, không chịu nổi khổ lạnh nóng đói khát; nếu cho thọ đại giới sẽ bị mọi người chê trách, làm Sa-di thì không ai trách. Ni đủ mười hai tuổi là người nữ đã gả thì được thọ đại giới vì ở trong nhà chồng đã chịu đựng khổ sở nên sanh nhàm lìa.

*73. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi ba:*

Sanh địa: Bản dịch đời Hồ dịch là thật địa, từ tháng tư cho đến tháng tám là mùa mưa, đất đai thấm nhuần khiến cây cỏ nẩy mầm sanh trưởng nên đất này gọi là sanh địa; ngược lại vào những tháng khác không phải mùa mưa, trời nóng khô khiến cây cỏ không thể nẩy mầm sanh trưởng nên đất này không phải là sanh địa. Nếu đào lớp đất khô ở trên thì phạm Đột-kiết-la, đào đến lớp đất ẩm ướt ở dưới thì phạm Ba-dật-đề. Đào đất làm móng để xây tường làm nhà thì không phạm vì đất làm nhà khác với đất trồng, nếu có người muốn lấy đất để trồng nên chỉ từ xa và nói: “Nơi đó đất tốt có thể trồng”, nếu đến gần chỉ thì phạm. Trời mưa trong đất có ổ kiến, nếu đào đất này thì phạm Đột-kiết-la vì đất này không phải là căn bản thật địa; nhưng nếu đất này có cỏ mọc mà đào thì phạm Ba-dật-đề, đào đất bùn cũng phạm Ba-dật-đề.

*74. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi bốn:*

Trong giới này Phật chế không cho xin phi thời và xin người không phải là bà con, do Lục quần Tỳ-kheo cho Thích Ma-ha-nAM-là bà con nên tuy đã hết hạn bốn tháng thỉnh cúng thuốc mà vẫn đến đòi hỏi. Thỉnh lại là do thí chủ có việc gấp, không thực hiện đúng như lời đã thỉnh nên sau đó thỉnh lại, hoặc đã thỉnh cúng xong hai tháng, nay thỉnh thêm hai tháng nữa, hoặc thỉnh nhiều lần, việc không đồng đều được tùy thỉnh trong ba thời xuân hạ đông. Nếu thỉnh vào đầu hạ thì giữa hạ thọ, nếu đến nửa hạ mới thỉnh, không hết bốn tháng thì nhập vào phần mùa đông, thọ vào mùa khác cũng giống như vậy. Biệt thỉnh là thỉnh riêng một vị nào đó cũng không phạm.

*75. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi lăm:*

Kết đồng giới là cả hai bộ tăng đều đồng giới thì Phật sẽ kết giới ở trong đại tăng trước, sau đó sai một đại Tỳ-kheo qua bên Ni tăng báo lại; nếu kết giới riêng cho Ni thì ở trong hai bộ tăng mà kết, hoặc do bên Ni nhân khởi đồng, hoặc do bên Tăng nhân khởi đồng, hoặc do cả hai bên nhân khởi đồng. Tu-đa-la là bốn bộ A-hàm và hai trăm năm mươi giới; Tỳ-ni là chiết phục, vì có thể chiết phục tham sân si, chính là Luật. Ma-đa-lặc-già là khéo chọn nghĩa của các pháp tướng, tương tự

như A-tỳ-đàm; Tỳ bà Sa-là A-tỳ-đàm và giới tăng nhất, vì nói rõ nghĩa và tướng, luận về sắc hay không phải sắc, là giáo hay không phải giáo. Kinh nhiếp vào Tỳ-ni là các kinh khác, hoặc ở chỗ thuyết giới, nếu đem giới trong kinh này nói cho người chưa thọ giới cụ túc biết thì phạm Đột-kiết-la; nếu họ sanh tâm và khẩu khinh thường không đến nghe giới thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, nếu vì việc khác không đến nghe thì Tỳ-kheo không phạm.

*76. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi sáu:*

Đến rình nghe sở dĩ phạm là vì từ việc nghe biết này có thể phá phật pháp và khiến Tăng phân thành hai bộ. Nếu đến rình nghe rồi đi nói lại cho người khác biết hay không nói lại đều phạm Ba-dật-đề.

*77. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi bảy:*

Khi Tăng xử đoán việc, Tỳ-kheo im lặng đứng dậy bỏ đi: Một trăm lẻ một pháp yết ma đều thuộc trong ba loại yết ma là đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma. Nếu việc đơn giản thường làm thì đơn bạch, việc hơi quan trọng thì bạch nhị, việc tối quan trọng thì bạch tứ. Khi Tăng đang làm một trong loại yết ma này mà Tỳ-kheo im lặng đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề; nếu không phải Tăng tác pháp yết ma, đứng dậy bỏ đi thì phạm Đột-kiết-la.

*78. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi tám:*

Không cung kính: Bản dịch đời Hồ gọi là xúc não người khác. Nếu được bảo cho biết rồi thì có bốn việc làm xúc não người khác: Như thầy và bậc Thượng tòa đã bảo cho biết là đừng làm việc đó, ban đầu nghe lời không làm, không lâu sau lại làm và sau cùng cãi lời và làm khác thì phạm Ba-dật-đề. Xúc não hạ tòa thì phạm Đột-kiết-la; nếu chưa được bảo cho biết thì có hai việc làm xúc não người khác đều phạm Đột-kiết-la.

*79. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi chín:*

Uống rượu: Nếu có đủ hương rượu, vị rượu và uống say thì phạm Ba-dật-đề; ăn men rượu cũng phạm Ba-dật-đề. Uống rượu có thể phạm tội nặng hơn tội này nghĩa là khi uống say có thể tạo bốn tội nghịch, trừ tội Phá tăng, cũng có thể phạm các khác khác và làm các điều ác.

*80. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi:*

Phi thời vào tụ lạc: ở A-lan-nhã có đàn việt làm chỗ ở và chỗ học vấn ở bên ngoài gần tụ lạc; lại có người ở A-lan-nhã sợ có giặc cướp nên làm một trú xứ cho Tăng hay chùa ở bên ngoài gần tụ lạc. Nếu Tỳ-kheo ra khỏi chùa không nói với ai, tới cửa thành thì phạm Đột-kiết-la; nếu muốn vào tụ lạc, bạch chung chung là vào tụ lạc thì được tùy ý đi,

nếu bạch rõ chỗ đi đến hoặc không bạch trước thì khi đến nơi đó tùy thấy Tỳ-kheo nào, bạch thì không phạm.

*81. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi mốt:*

Phật chế giới này duyên khởi từ Bạt-nan-đà, thí chủ vì Bạt-nan-đà nên xuất một trăm lượng mua các vật cần dùng và một trăm lượng lo liệu các thức ăn uống để cúng dường Phật và Tăng. Đến ngày đó Bạt-nan-đà đến nhà thí chủ này trước, dặn dò thí chủ rồi đi đến nhà khác và trở lại trễ giờ thọ thực của Phật và Tăng nên Phật chế giới. Nếu đàn việt thỉnh Tăng thọ thực, vào sáng sớm Tỳ-kheo bạch Tăng rồi đi đến thì không phạm, nếu không bạch thì phạm Ba-dật-đề; nếu bạch rồi đi đến giữa đường lại ghé qua nhà khác thọ thực, thọ chánh thực thì phạm Ba-dật-đề, không phải chánh thực thì phạm Đột-kiết-la. Nếu đi cùng Tăng thì không cần bạch, nếu đi đến trước thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thí chủ thỉnh thực vào ngày mai, ngày nay Tỳ-kheo đi đến thì phạm Ba-dật-đề, trừ thí chủ thỉnh; ngày sau nếu thí chủ không để phần thức ăn mà Tỳ-kheo tự đến thì phạm Ba-dật-đề, vì làm cho thí chủ mệt nhọc làm thức ăn. Nếu chúng tăng đến nhà thí chủ trước, mình lẽ mẽ đến sau thì phạm Ba-dật-đề; thọ thực xong chưa thọ thần mà bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề; muốn đi riêng đến chỗ khác phải báo cho bạn đồng học biết, phạm và không phạm giống như trên. Dù nhà đàn việt gần chùa, Tỳ-kheo nếu đến mà không bạch Tăng cũng phạm Ba-dật-đề; vào thành thì phạm Đột-kiết-la; nếu có bạch nhưng lại về trễ làm xúc não Tăng thì phạm Đột-kiết-la.

*82. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi hai:*

Cửa là cửa ngoài của cung vua, ngạch cửa là ngay trước cửa cung có một cây gỗ gọi là ngạch cửa, nếu Tỳ-kheo bước qua cây gỗ này vào bên trong thì phạm. Vua chưa cất cửa báu là vua tuy ra ngoài nhưng phu nhân của vua chưa ra, phu nhân là cửa báu của vua, còn mặc áo ngủ mỏng manh trên người nên thân phần ảnh hiện ra ngoài, nhìn thấy dễ khởi ý dục, vì chưa cất áo ngủ này, chưa mặc lại áo khác nên gọi là chưa cất cửa báu. Ban đêm trời chưa sáng: Theo bản dịch đời Hồ thì có hai nghĩa là trời chưa sáng hoặc là phu nhân chưa dậy. Nếu phu nhân của vua chưa cất cửa báu, Tỳ-kheo bước qua ngạch cửa vào bên trong thì phạm Ba-dật-đề; nếu vua đã ra và phu nhân đã cất cửa báu, Tỳ-kheo vào không phạm; nếu vua, phu nhân hoặc đại thần... dùng thế lực bắt dẫn vào thì không phạm; nếu vào cửa cung của vua trời, vua rồng, quỷ thần thì phạm Đột-kiết-la; vào cửa cung trống không thì không phạm. Vua là chỉ cho người đứng đầu một tụ lạc trở lên.

*83. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi ba:*

Hôm nay tôi mới biết pháp này là do nghe giới với tâm tán loạn nên kết phạm, nghe từ đầu đến Chúng học pháp mới nói câu này thì phạm Đột-kiết-la; nghe thuyết giới xong mới nói câu này thì phạm Ba-dật-đề; nếu thật đã biết rồi mà nói là nay mới biết thì phạm vọng ngữ Ba-dật-đề; giới này chỉ kết tội không chú tâm lắng nghe giới.

*84. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi bốn:*

Ổng kim: Vì là vật khinh (không quý giá) nên không xếp vào trong thiên Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nên phá bỏ là nếu trả lại cho thí chủ mà thí chủ không nhận, nếu cho người khác thì thí chủ không vui, đem cho Tăng thì không như pháp, vì vậy nên phá bỏ. Xương là như xương voi, xương ngựa...; nha chỉ cho ngà voi hay răng nanh heo rừng; sừng là như sừng trâu, sừng dê, sừng nai. Do tham đẹp và không thanh tịnh nên kết phạm.

*85. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi lăm:*

Giường cao rộng là giường cao quá tám ngón tay của Phật, nằm dễ sanh kiêu mạn, vì tùy ngồi nằm mà kết tội nên không xếp vào trong thiên Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nên thưa bớt cho đúng lượng rồi vào trong Tăng sám hối; nếu ở chỗ ẩm thấp thì được kê cao đến tám ngón tay, cao quá tám ngón tay thì phạm.

*86. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi sáu:*

Đâu-la-miên là tên chung của loại cỏ, cây bông vải thường do người giàu sang cất chứa; nếu Tỳ-kheo lấy dôn làm ngọa cụ hay sanh trùng nên bị người đời chê hiềm; lại do ngồi nằm trên nệm bông cảm thấy êm ấm, sau gặp trời lạnh ngồi nằm trên ngọa cụ thô cứng sẽ không chịu nổi nên Phật chế ngăn. Tỳ-kheo khi xin bông Đâu la miên thì phạm Đột-kiết-la, dôn thành ngọa cụ thì phạm Ba-dật-đề.

*87. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi bảy:*

Y phú kiên là do có một Tỳ-kheo bệnh ung nhọt, máu mủ chảy ra làm dơ y An-đà-hội nên Phật cho cất chứa y này dùng đến khi lành bệnh; y này mặc bên trong phủ trên chỗ bị ung nhọt, kể mặc Nê-hoàn-tăng; kích lượng của y này cũng bằng Nê-hoàn-tăng.

*88. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi tám:*

Ni-sư-đàn: Khi Phật tại thế, y này chỉ dùng để ngồi nên kích lượng nhỏ; sau do Nan-đà nên khai cho may thêm đường viền một gang tay nữa, tổng cộng là dài sáu thước, rộng ba thước.

*89. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi chín:*

Trong giới này Phật không cho Ưu-bà-di được nguyện quá tức là

không được nguyện không như pháp, chỉ được nguyện như pháp. Tỳ-kheo tắm nơi chỗ đất trống hay chỗ có che lợp đều không được tắm chung với bạch y, nên mặc Tăng kỳ chi để che thân: Một là vì có hổ thẹn, hai là để người khác nhìn thấy không khởi dục. Xưa có một Tỳ-kheo A-la-hán đang tắm, một Tỳ-kheo khác nhìn thấy thân vị này thanh tịnh liền khởi ý dục. Do nhân duyên này nên rụng mất nam căn, sanh nữ căn và hoàn tục; thời gian sau gặp lại Tỳ-kheo A-la-hán liền nhớ lại nhân duyên trước nên thỉnh cầu A-la-hán cho sám hối, do dụng tâm thuần thành nên có lại nam căn như trước. Vì nhân duyên này nên khi tắm không được để lộ thân, trong kinh nói tôi dâm dục với Tỳ-kheo hay Sa-di trì giới ngang với tội phá thập bảu báu.

*90. Nhân duyên kết giới thứ chín mươi:*

May y bằng lượng y của Phật: Do thân Phật cao lớn gấp đôi người thường nên lượng y cũng rộng dài gấp đôi. Nan-đà là em của Phật, thấp hơn Phật bốn ngón tay nên y của Nan-đà phải giảm bớt chiều dài một thước và chiều rộng bốn tấc, không thể mặc bằng kích lượng y của Phật. Y của Phật có màu sắc như vàng ròng, y của Nan-đà nên hoại sắc như y của các Tỳ-kheo.

**7. Nhân Duyên Kết Bốn Ba-La-Đề-Đề-Xá-Ni:**

*1. Nhân duyên kết giới thứ nhất:*

Giới này bất cộng, ba chúng ni không phạm, Sa-di phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này không có tên tội, do phải đến bên một Tỳ-kheo khác nói lỗi sám hối nên gọi là Hối quá. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không bệnh, vào tụ lạc tự tay thọ lấy thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni; cùng một lúc thọ lấy mười lăm loại thức ăn thì phạm một Hối quá, nếu thọ riêng mỗi loại thì mỗi mỗi phạm Hối quá. Không phạm là Tỳ-kheo bệnh hoặc Tỳ-kheo-ni cho thức ăn là bà con, hoặc thọ thức ăn ở trong miếu thờ trời hoặc nơi chỗ đông người tụ họp, hoặc ở chỗ Sa-môn, hoặc ở ngoài tụ lạc hoặc ở trong chùa Ni.

*2. Nhân duyên kết giới thứ hai:*

Giới này bất cộng, ba chúng ni không phạm, Sa-di phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo được thức ăn do Tỳ-kheo-ni chỉ vẽ cho đàn việt cúng thì phạm, tùy được bao nhiêu thức ăn thì phạm bấy nhiêu Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nếu hai bộ tăng cùng ngồi, trong một bộ Tăng nếu có người nói với Tỳ-kheo-ni thì bộ Tăng thứ hai cũng gọi là đã nói với Tỳ-kheo-ni. Nếu vào riêng, ngồi riêng, ăn riêng

và đi ra riêng thì Tỳ-kheo khi đi vào nhà đàn việt nên hỏi Tỳ-kheo đi ra: “Trong đây có Tỳ-kheo-ni nào chỉ về đàn việt cúng thức ăn cho Tỳ-kheo không?”, nếu đáp là có thì nên hỏi: “Có vị nào đã nhắc nhở Tỳ-kheo-ni đó chưa?”, nếu đáp là đã nhắc nhở thì Tỳ-kheo mới vào này cũng gọi là đã nhắc nhở Tỳ-kheo-ni đó.

*3. Nhân duyên kết giới thứ ba:*

Giới này Tỳ-kheo cộng giới với Tỳ-kheo-ni, ba chúng dưới bất cộng. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ở trong nhà của Học gia, biết Tăng đã yết ma Học gia rồi, trước không được Học gia thỉnh thức mà tự đến nhà thọ lấy thức ăn thì phạm Hối quá. Nếu cùng một lúc thọ mười lăm loại thức ăn thì phạm một Hối quá, nếu thọ riêng mỗi loại thì mỗi mỗi phạm Hối quá.

*4. Nhân duyên kết giới thứ tư:*

Giới này bất cộng, bốn chúng kia không phạm. Tướng phạm trong giới này là Nếu Tăng chưa sai, Tỳ-kheo không ở ngoài Tăng phường mà ở trong Tăng phường tự tay thọ lấy thức ăn thì phạm Hối quá. Nếu Tỳ-kheo được Tăng yết ma sai, biết nơi đó sẽ có giặc vào thì nên cùng tịnh nhân đứng ở đó canh chừng; nếu thấy có ai giống như giặc thì nên đón lấy thức ăn và nói với người đưa thức ăn đến rằng: “Ông đừng đi vào trong đó, vì trong đó có người giống như kẻ giặc”, nếu người đưa thức ăn gắng gượng đến trong đó thì Tỳ-kheo không phạm. Luật sư nói người được Tăng sai phải là người khỏe mạnh, có sức lực có thể đuổi được giặc; nếu không thể đuổi được thì Tăng nên đến chỗ của giặc, nếu cũng không thể đuổi được thì nên nói với đàn việt trong tự lạc để nhiều người cùng phòng hộ.

**8. Nhân Duyên Kết Chúng Học Pháp:**

Tỳ-kheo cộng giới với Tỳ-kheo-ni. Nói các Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn-tăng quá cao, không phải là năm Tỳ-kheo cũng không phải ba anh em Tần loa Ca-diếp; cũng không phải là Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên; cũng không phải là các Tỳ-kheo thiện lai mà phần nhiều là các Tỳ-kheo dòng họ Thích xuất gia, do bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc. Các vị này xuất thân từ Hoàng tộc do thói quen trước nên thường hoại oai nghi, mặc Nê-hoàn-tăng quá dài; các Bà-la-môn xuất gia trong Phật pháp thì lại mặc Nê-hoàn-tăng quá cao; Lục quần Tỳ-kheo thì lại mặc so le...

Hỏi: Trong năm thiên giới vì sao chỉ có giới mặc ca-sa và Nê-hoàn-tăng này Phật phải quán chú Phật quá khứ, vị lai và chư thiên cõi

trời Tịnh cư rồi mới kết giới?

Đáp: Phật kết năm thiên giới đều có quán chư Phật ba đời, chỉ vì Phật kết thiên giới này là đầu tiên và kết tội nhẹ nhất trong năm thiên, sợ các đệ tử trong tương lai không có tâm xem trọng nên Phật phải quán chư Phật ba đời và chư thiên cõi trời Tịnh cư rồi mới kết giới, cũng để cho chúng sanh đời sau không sanh tội khinh mạn. Chư Phật trong ba đời kết giới có chỗ giống nhau cũng có chỗ không giống nhau, trong năm thiên giới chắc chắn là không giống nhau hết, nhưng kết giới về việc mặc ca sa và Nê-hoàn-tăng thì chư Phật ba đời đều chế đồng nhau, vì vậy Phật phải quán chư Phật ba đời rồi mới kết giới.

Hỏi: Các học giới này Phật chế đầu tiên hay sau cùng?

Đáp: Thiên giới này Phật chế đầu tiên, sau khi Phật nhập diệt, các vị kết tập Pháp tạng sắp xếp theo thứ tự trong kinh nên để ở sau cùng; vì tội tuy có một nhưng trọng khinh phân biệt có năm, để giới trọng ở trước, giới khinh ở sau; thiên giới này nhẹ nhất trong năm thiên nên để ở sau cùng. Lại do tội có tánh tội và giá tội, tánh tội để ở trước, giá tội để ở sau; lại do tội phân biệt có hữu tàn và vô tàn, tội Vô tàn để ở trước, tội Hữu tàn để ở sau.

Hỏi: Các thiên giới khác vì sao không nói là cần nên học, chỉ riêng thiên giới này lại nói là cần nên học?

Đáp: Các thiên giới khác do tội nặng nên dễ thọ trì, vì vừa phạm liền thành tội phải sám hối trong Tăng hoặc là đối thú sám hối; thiên giới này do tội nhẹ nên khó thọ trì, nếu lỡ phạm thì nên sanh tâm hối và nhớ học để hành thì tội liền diệt. Do khó thọ trì và dễ phạm nên tâm phải thường nhớ học để hành chứ không kết tên tội, chỉ nói là cần nên học.

- Một và hai chế không được mặc nội y quá cao hay quá thấp, trên dưới mắt cá chân một gang tay gọi là quá cao hay quá thấp. Nếu Tỳ-kheo và Sa-di khi đi xa cho mặc nội y trên mắt cá chân hai gang tay, cho đến dưới đầu gối; ba chúng Ni trong tất cả thời đều phải mặc nội y trên mắt cá chân một gang tay, dù có đi xa cũng không được mặc cao hơn.

- Ba là không được mặc nội y so le.
- Bốn là không được mặc như đầu chiếc búa.
- Năm là không được mặc như lá cây Đa la.
- Sáu là không được mặc như vôi vôi.
- Bảy là không được mặc quấn thành cục.
- Tám là không được xếp nếp nhỏ.
- Chín là không được mặc y xốc xếch.



- Mười là không được mặc y vắt qua hai bên.
- Mười một là không được mặc nội y bằng vải mỏng.
- Mười hai là phải mặc nội y ngay ngắn.

Về ba y có bốn giới là cao, thấp, so le và nên mặc ngay ngắn (tề chỉnh); vào nhà bạch y có bốn mươi một giới; thọ thực có hai mươi bảy giới:

- Một là nhất tâm thọ cơm.
  - Hai là nhất tâm thọ canh.
  - Ba là không được thọ cơm canh đầy tràn bát.
  - Bốn là thọ cơm canh nên đồng ăn.
  - Năm là không được moi cơm ở giữa mà ăn.
  - Sáu là không được lựa món ngon ăn trước.
  - Bảy là không được vắt miếng cơm lớn mà ăn.
  - Tám là không được tay bốc cơm ăn.
  - Chín là không được há miệng trước chờ cơm đưa đến.
  - Mười là không được miệng ngậm cơm nói chuyện.
  - Mười một là không được ăn cơm thừa phân nữa.
  - Mười hai là không được húp thức ăn ra tiếng.
  - Mười ba là không được nhai cơm ra tiếng.
  - Mười bốn là không được ăn nuốt trọn.
  - Mười lăm là không được le lưỡi liếm mà ăn.
  - Mười sáu là không được nhăn mũi ngửi thức ăn.
  - Mười bảy là không được liếm tay dính thức ăn.
  - Mười tám là không được dùng ngón tay vét bát mà ăn.
  - Mười chín là không được rảy tay dính thức ăn.
  - Hai mươi là không được lượm cơm rơi rớt mà ăn.
  - Hai mươi một là không được dùng tay không sạch cầm đồ đựng thức ăn.
  - Hai mươi hai là không bịnh thì không được đòi hỏi thức ăn.
  - Hai mươi ba là không được lấy cơm phủ lên thức ăn để mong được thêm.
  - Hai mươi bốn là không được nhìn vào bát của người bên cạnh.
  - Hai mươi lăm là phải nhìn vào bát của mình mà ăn.
  - Hai mươi sáu là phải ăn theo thứ lớp cho hết cơm và thức ăn trong bát.
  - Hai mươi bảy là nước rửa bát có cơm, không hỏi chủ thì không được đổ trong nhà.
- Về thuyết giới có mười chín giới, đại tiểu tiện khạc nhổ có ba giới, leo lên cây có một giới.

**9. Nhân Duyên Kết Bẫy Pháp Diệt Tránh:***a. Nhân duyên kết pháp Tự ngôn diệt tránh:*

Nếu trong năm chúng có việc và việc có phạm hay không phạm trong năm thiên giới đều nên dùng pháp Tự ngôn để diệt tránh. Tự ngôn diệt tránh có mười loại phi pháp và mười loại như pháp. mười loại phi pháp là:

1. Nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, tự nói không phạm, chúng tăng hỏi: “Thầy tự nói là không phạm phải không?”, đáp: “Không phạm”. Đây gọi là phi pháp.

2 đến 5: Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la mà tự nói là không phạm; chúng tăng hỏi: “Thầy tự nói là không phạm phải không?”, đáp: “Không phạm”. Đây gọi là phi pháp.

6. Lại có Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di mà tự nói là tôi phạm, chúng tăng hỏi: “Thầy tự nói là phạm Ba-la-di phải không?”, đáp là tôi phạm. Đây gọi là phi pháp.

7 đến 10: Lại có Tỳ-kheo không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la mà tự nói là tôi phạm, chúng tăng hỏi: “Thầy tự nói là phạm phải không?”, đáp là tôi phạm. Đây gọi là phi pháp.

Mười loại như pháp là:

1. Nếu có Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, tự nói là tôi phạm Ba-la-di, chúng tăng hỏi: “Thầy tự nói là phạm phải không?”, đáp là tôi phạm. Đây gọi là như pháp.

2 đến 5: Lại có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; tự nói là tôi phạm, chúng tăng hỏi: “Thầy tự nói là phạm phải không?”, đáp là tôi phạm. Đây gọi là như pháp.

6. Lại có Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, tự nói là không phạm, chúng tăng hỏi: “Thầy tự nói là không phạm phải không?”, đáp là không phạm. Đây gọi là như pháp.

7 đến 10: Lại có Tỳ-kheo không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; tự nói là không phạm, chúng tăng hỏi: “Thầy tự nói là không phạm phải không?”, đáp là không phạm. Đây gọi là như pháp.

*b. Nhân duyên kết pháp Hiện tiền diệt tránh:*

Hiện tiền Tỳ-ni có hai loại phi pháp và hai loại như pháp. hai loại phi pháp là:

1. Có Tăng phi pháp dạy bảo Tăng phi pháp, muốn kiến chiết

phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng phi pháp dạy bảo ba người phi pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng không như pháp dạy bảo hai, một người không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người không như pháp dạy bảo ba người không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người không như pháp dạy bảo hai, một người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người không như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người không như pháp dạy bảo một, ba, hai người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại phi pháp thứ nhất.

2. Lại có Tăng không như pháp dạy bảo Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng không như pháp dạy bảo ba, hai, một người như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người không như pháp dạy bảo ba, hai, một người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người không như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người không như pháp dạy bảo một, hai, ba người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại phi pháp thứ hai .

Hai loại Hiện tiền diệt tránh như pháp là:

1. Có Tăng như pháp dạy bảo Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng như pháp dạy bảo ba, hai, một người như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người như pháp dạy bảo ba, hai, một người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người như pháp dạy bảo một, ba, hai và Tăng như pháp, muốn khiến cho chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại như pháp thứ nhất.

2. Có Tăng như pháp dạy bảo Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng như pháp dạy bảo ba, hai, một người không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người như pháp dạy bảo ba, hai, một và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng không như

pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người như pháp dạy bảo một, ba, hai và Tăng không như pháp, muốn khiến cho chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại như pháp thứ hai.

*c. Nhân duyên kết pháp Ưc niệm diệt tránh:*

Đây là loại Tỳ-ni thủ hộ, năm chúng đều nên cho Ưc niệm Tỳ-ni, năm thiên giới cũng nên cho Ưc niệm Tỳ-ni. Khi cho Ưc niệm Tỳ-ni phải bạch tứ yết ma, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nên hiện tiền, ba chúng dưới không hiện tiền. Nếu Tỳ-kheo được Ưc niệm Tỳ-ni rồi trở xuống làm Sa-di thì vẫn theo Ưc niệm Tỳ-ni đã cho trước; nếu hoàn tục, sau đó xuất gia lại hoặc làm Sa-di cho đến làm Tỳ-kheo, vẫn theo Ưc niệm Tỳ-ni đã cho trước; nếu chuyển căn thành Ni, vẫn theo Ưc niệm Tỳ-ni đã cho trước. Nếu Sa-di được Ưc niệm Tỳ-ni rồi thọ giới cụ túc thì vẫn theo Ưc niệm Tỳ-ni đã cho trước; nếu hoàn tục, sau đó xuất gia lại hoặc làm Sa-di hoặc làm Tỳ-kheo, vẫn theo Ưc niệm Tỳ-ni đã cho trước; nếu chuyển căn thành Ni, vẫn theo Ưc niệm Tỳ-ni đã cho trước. Ba chúng Ni được Ưc niệm Tỳ-ni rồi lần lượt theo thứ lớp cũng giống như Tỳ-kheo và Sa-di ở trên. Ưc niệm diệt tránh có ba loại phi pháp và ba loại như pháp. Ba loại phi pháp là:

1. Có Tỳ-kheo phạm tội Vô tàm, tự nói là phạm tội Hữu tàm. Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ưc niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho Ưc niệm Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên diệt tận.

2. Lại như Tỳ-kheo Thi-việt do tâm cuồng si điên đảo mà làm nhiều việc không thanh tịnh, phi pháp, không phải đạo tùy thuận, không phải pháp Sa-môn. Người này sau khi trở lại bốn tâm, những tội đã làm trước kia nếu Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này; người này theo Tăng xin Ưc niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ưc niệm Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên cho Bất si Tỳ-ni.

3. Lại như Tỳ-kheo Ha-đa không có tàm quý phá giới, có tội thấy nghe nghi; người này tự nói là tôi có tội này, nhưng sau lại nói là tôi không có tội này. Người này theo Tăng xin Ưc niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ưc niệm Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên cho Thật mịch Tỳ-ni. Đây là ba loại phi pháp Ưc niệm Tỳ-ni.

Ba loại như pháp Ưc niệm Tỳ-ni là:

1. Như Tỳ-kheo Đà-phiêu bị Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng, do Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này nên Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ưc niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ưc niệm Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này

nên cho Ưc niệm Tỳ-ni.

2. Lại như có một Tỳ-kheo phạm tội nhưng đã phát lồ như pháp sám hối trừ diệt, nếu Tăng hoặc ba, hai, một người vẫn còn bàn nói việc này. Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ưc niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ưc niệm Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Ưc niệm Tỳ-ni.

3. Lại như có Tỳ-kheo tuy chưa phạm tội này nhưng ắt sẽ phạm, nếu Tăng hoặc ba, hai, một người vì việc này mà nói là phạm tội nên Tỳ-kheo này theo tăng xin Ưc niệm Tỳ-ni; nếu Tăng cho người này Ưc niệm Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Ưc niệm Tỳ-ni. Đây là ba loại như pháp Ưc niệm Tỳ-ni.

Hành pháp của tỳ-kheo được Ưc niệm Tỳ-ni là các Tỳ-kheo không được bàn nói về tội của tỳ-kheo kia nữa, không được bảo nhớ nghĩ, không được theo hỏi về việc ấy, cũng không nghe Tỳ-kheo khác nói về việc ấy nữa. Nếu Tỳ-kheo nào theo hỏi về việc ấy thì phạm Đột-kiết-la, nghe người khác nói về việc ấy cũng phạm Đột-kiết-la; nếu còn bàn nói về việc ấy hoặc bảo nhớ nghĩ thì phạm Ba-dật-đề.

*d. Nhân duyên kết pháp Bất si Tỳ-ni:*

Đây là loại Tỳ-ni thủ hộ, năm chúng đều nên cho Bất si Tỳ-ni, năm thiên giới cũng nên cho Bất si Tỳ-ni. Khi cho Bất si Tỳ-ni phải bạch tứ yết ma, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nên hiện tiền, ba chúng dưới không hiện tiền. Nếu Tỳ-kheo được Bất si Tỳ-ni rồi trở xuống làm Sa-di thì vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước; nếu hoàn tục, sau đó xuất gia lại hoặc làm Sa-di cho đến làm Tỳ-kheo, vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước; nếu chuyển căn thành Ni, vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước. Nếu Sa-di được Bất si Tỳ-ni rồi thọ giới cụ túc thì vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước; nếu hoàn tục, sau đó xuất gia lại hoặc làm Sa-di hoặc làm Tỳ-kheo, vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước; nếu chuyển căn thành Ni, vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước. Ba chúng Ni được Bất si Tỳ-ni rồi lần lượt theo thứ lớp cũng giống như Tỳ-kheo và Sa-di ở trên. Bất si Tỳ-ni có bốn loại phi pháp và bốn loại như pháp. Bốn loại phi pháp là: Có Tỳ-kheo không cuồng si điên đảo mà hiện tướng cuồng si, các Tỳ-kheo trong Tăng hỏi: “Lúc cuồng si thầy đã làm những gì, nay thầy còn nhớ không?”, đáp: “Trưởng lão, tôi nhớ vì cuồng si nên tôi làm, người khác sai khiến tôi làm, tôi nhớ việc đã làm trong mộng, nhớ mình khỏa thân chạy khắp đông tây và đứng đại tiểu tiện”. Người này theo Tăng xin Bất si Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Bất si Tỳ-ni thì gọi là bốn loại phi pháp. Bốn loại như pháp là: Nếu Tỳ-kheo thật sự cuồng si tâm

trí diên đảo nên hiện tướng cuồng si, các Tỳ-kheo hỏi: “Thầy có nhớ được những việc mà mình đã làm trong lúc cuồng si hay không?”, đáp: “Không nhớ, người khác không sai khiến tôi làm, tôi không nhớ việc đã làm trong mộng, không nhớ mình đã khóa thân chạy khắp đông tây và đứng đại tiểu tiện”. Người này theo Tăng xin Bất si Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Bất si Tỳ-ni thì gọi là bốn loại như pháp.

Hành pháp của tỳ-kheo được Bất si Tỳ-ni là các Tỳ-kheo khác không được bàn nói tội lỗi của tỳ-kheo ấy nữa, không được bảo nhớ nghĩ, không được theo hỏi, cũng không được Tỳ-kheo khác nói tội lỗi trước kia của tỳ-kheo ấy. Nếu theo hỏi thì phạm Đột-kiết-la, nghe Tỳ-kheo khác nói cũng phạm Đột-kiết-la; nếu còn bàn nói những việc trước kia hoặc bảo nhớ nghĩ đều phạm Ba-dật-đề.

*e. Nhân duyên kết pháp Thật mịch Tỳ-ni:*

Đây là loại Tỳ-ni chiết phục, năm chúng đều nên cho Thật mịch Tỳ-ni, năm thiên giới đều nên cho Thật mịch Tỳ-ni, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nên hiện tiền, ba chúng dưới không hiện tiền; khi cho Thật mịch Tỳ-ni nên bạch tứ yết ma. Thật mịch Tỳ-ni có năm loại phi pháp và năm loại như pháp. Năm loại phi pháp là nếu có Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, trước tự nói không phạm, sau lại nói là phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mịch Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên cho pháp diệt tận. Lại có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la trước tự nói không phạm, sau lại nói là phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mịch Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên tùy tội đã phạm mà cho pháp trị tội. Năm loại như pháp là nếu có Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, trước tự nói tôi phạm, sau lại nói là không phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mịch Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Thật mịch Tỳ-ni. Lại có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la trước tự nói tôi phạm, sau lại nói là không phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mịch Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Thật mịch Tỳ-ni.

Hành pháp của tỳ-kheo được pháp Thật mịch Tỳ-ni là Tỳ-kheo nay không được cho người khác thọ đại giới, không được thọ người khác y chỉ, không được chứa nuôi Sa-di, không được thọ giáo giới Tỳ-kheo-ni, nếu được Tăng sai cũng không được thọ giáo giới Tỳ-kheo-ni. Tăng đã cho pháp Thật mịch Tỳ-ni thì không được tái phạm tội này hoặc tội tương tự với tội này hoặc tội nặng hơn tội này. Tỳ-kheo này không được quả Tăng yết ma, không được quả người làm yết ma, không được cử tội

Tỳ-kheo thanh tịnh, không được bảo người khác nhớ nghĩ, không được gạn hỏi cũng không được nghe người khác nói tội của tỳ-kheo khác, không được ngăn thuyết giới, không được ngăn thọ giới, không được ngăn tự tứ, không được bàn nói lỗi lầm của tỳ-kheo thanh tịnh. Tỳ-kheo này thường phải tự khiêm tốn, điều phục tâm hạnh, tùy thuận chúng tăng. Nếu không tuân theo những hành pháp này thì trọn đời không được giải yết ma này.

*f. Nhân duyên kết pháp Đa mịch diệt tránh:*

Đa mịch Tỳ-ni là phải cầu nhiều nhân duyên và từ nhiều người để diệt tránh, vì sự việc có nhiều chỗ chưa được dứt diệt. Khi phát thể để xử đoán việc, tất cả Tăng đều phải tập hợp, không được lấy dục, vì sao, vì có nhiều người nói phi pháp thì tất cả đều phải đến lấy thể, không được lấy dục giống như pháp hành bát (đưa bát phạm Xả đọa khắp trong Tăng). Nếu vẫn không thể xử đoán được sự việc thì nên tìm cầu hai, ba hay một Tỳ-kheo trì ba tạng ở trong Tăng phường khác và kể lại đầy đủ sự việc chưa được xử đoán trên; vị Tỳ-kheo được bốn chúng tôn trọng này nên đáp: “Không thể hai bên cùng nói mà đều được thắng, phải có một bên thắng, một bên thua”. Nếu nói như thế thì gọi là nói như pháp, nếu không nói như thế thì gọi là nói phi pháp, các Tỳ-kheo nên nói với nhau rằng: “Nếu như pháp xử đoán được việc này mà còn phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề, nếu quả trách việc này xử đoán không như pháp thì phạm Đột-kiết-la”.

Thác lại tra lợi: Thác lại nghĩa là địa, tra lợi nghĩa là trụ, do vị này có trí huệ thù thắng tự tại, đối với chánh pháp bất động như người trụ trên đất không có nghiêng ngã.

Nên diệt ước hẹn: Vì sợ sự việc dây dưa khó xử đoán, cũng sợ có người cho là nghe lời người đến cầu sẽ xử đoán thiên vị và cũng sợ người đến cầu lo cho bản thân họ, nên không cùng ước hẹn xử đoán sự việc.

Nên bỏ và giao phó lại cho Tăng: Vì sự việc từ trong Tăng đến đã không thể diệt tránh thì nên giao lại cho Tăng ở chỗ ban đầu.

Tăng hiện tiền: Tăng vân tập, trong đây người có thể ngăn lại không ngăn, tức là tăng hòa hợp.

Ô-hồi-cư-la: Ô hồi nghĩa là hai, cư la nghĩa là bình đẳng, vị này tâm bình đẳng không hai như cán cân thăng bằng, vì cả hai (Thác lại tra và Ô-hồi-cư-la) đều có năm pháp: Một là không vì thương mà bỏ qua cho người phạm tội, hai là không vì ghét mà trị phạt người có lỗi, ba là không vì sợ mà xử đoán trái pháp, bốn là không vì si mà khinh suất khi

xử đoán việc, năm là biết xử đoán hay không xử đoán.

Người lấy dục lìa ra xa một chút: Vì sợ trong Tăng có người trợ giúp sẽ không xử đoán được việc, sợ dĩ lấy dục là muốn cho người trợ giúp sau sẽ không nói nữa. Nếu lập thêm vị Ô-hồi-cưu-la thì việc tranh cãi càng tăng, e có nguyên do phá Tăng, làm trở ngại việc hành đạo nên phải cần cầu nhiều người, nhiều duyên mới xử đoán tốt được việc, không cần người có đủ năm pháp.

Sai sứ đến Tăng ở trú xứ gần: Nếu đến chỗ xa, sự việc ắt tăng thêm, khó thể xử đoán được nên sai sứ đến Tăng ở trú xứ gần, nếu có thể xử đoán được thì chỉ trong bảy ngày.

Đã phá an cư: Lúc đó Phật chưa khai cho xuất giới ba mươi chín đêm.

Nghe ở chỗ kia có bậc trì Ma đặc lặc già: Vì trong Phật pháp có hai trụ cột có thể trì Phật pháp là bậc tọa thiền và bậc có học vấn, cho nên phải tìm cầu hai vị này.

Người truyền sự xử đoán: Là trông mong người truyền sự có thể khiến cho Tăng có hổ thẹn nghe theo lời can ngăn để việc ác được trừ diệt thì tốt.

Làm kỳ hạn: Vì sự khởi ra từ trong hạ an cư nên trừ ba tháng hạ ra, lấy chín tháng còn lại làm kỳ hạn để diệt tránh.

Sợ dĩ ở ngoài giới phải đủ số chúng: Là Tăng sai bốn Tỳ-kheo ra ngoài giới diệt tránh, nếu xử đoán được việc không cho phát khởi lại nữa thì nên trở lại trong giới làm Tăng pháp yết ma. Người có năm pháp nên lập người hành trì (phát thể) để sự việc mau được diệt tránh.

Mạnh có ba trường hợp: Một là thân có sức mạnh, hai là ỷ vào người có thế lực, ba là giàu tiền của.

Từ trú xứ này đến trú xứ khác: Là nói sự việc xảy ra đã lâu và đã trải qua nhiều nơi dây dưa không thể xử đoán được, cho nên phải hành trì ở trước nhiều người, khiến cho bên phi pháp tâm phục vì đúng lý không có thiên vị bên nào. Nếu người phát thể là phi pháp thì mong người lấy thể phi pháp nhiều, người phát thể là như pháp thì mong người lấy thể như pháp nhiều; cho nên tất cả Tăng tập họp lấy thể là việc làm quan trọng, người như pháp nên ước hẹn với nhau để cùng lấy thể như pháp, không để cho nhiều người lấy thể phi pháp.

Người được bốn chúng tôn trọng: Nếu số thể của hai bên bằng nhau, không thể xử đoán được việc thì người truyền sự nên tìm đến người có phước đức được mọi người tín phục kể lại đầy đủ sự việc, Tỳ-kheo được bốn chúng tôn trọng này nên đáp: “Không thể hai bên cùng



nói mà đều được thắng, phải có một bên thắng, một bên thua”. Nếu nói như thế thì gọi là nói như pháp, nếu không nói như thế thì gọi là nói phi pháp, các Tỳ-kheo nên nói với nhau rằng: “Nếu như pháp xử đoán được việc này mà còn phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề, nếu quả trách việc này xử đoán không như pháp thì phạm Đột-kiết-la”.

*j. Nhân duyên kết pháp Bố thảo diệt tránh:*

Sao gọi là Bố thảo Tỳ-ni: Như có một trú xứ, các Tỳ-kheo trong đây ưa gây gỗ nhau, các Tỳ-kheo này nên hòa hợp lại một chỗ nói với nhau: “Các trưởng lão, chúng ta mất mát lớn, không được gì cả, suy hao lớn không có lợi ích, là đại ác bất thiện. Chúng ta do lòng tin cầu đạo nên xuất gia trong Phật pháp, nay lại ưa gây gỗ nhau; nếu chúng ta truy tìm nguồn gốc của sự việc thì trong Tăng những việc chưa khởi sẽ khởi, những việc đã khởi sẽ không thể dứt diệt”, nói rồi cùng tác bạch:

Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay dùng pháp Bố thảo Tỳ-ni để dứt diệt việc này. Bạch như vậy.

Ngay lúc đó các Tỳ-kheo phân làm hai bộ, mỗi bộ nhóm lại một chỗ, trong hai bộ chúng này, nếu có vị trưởng lão đại thượng tòa, vị này nên nói với bộ chúng thứ nhất rằng: “Chúng ta mất mát lớn, không được gì cả, suy hao lớn không có lợi ích, là đại ác bất thiện... giống như đoạn văn trên cho đến câu việc đã khởi không thể dứt diệt được. Chúng ta nay phải tự khuất ý, những tội mà chúng ta đã làm trừ tội Thâu-lan-giá và tội tương ưng Bạch y, những tội khác chúng ta nên hiện tiền phát lồ sám hối không có che dấu”. Nếu trong bộ chúng này không có Tỳ-kheo nào ngăn việc này thì vị trưởng lão thượng tòa này nên đến nói với bộ chúng thứ hai rằng: “Chúng ta mất mát lớn, không được gì cả... giống như đoạn văn trên cho đến câu trừ tội tương ưng Bạch y, những tội khác chúng ta nên tự vì mình vì người hiện tiền phát lồ sám hối không có che dấu”. Các Tỳ-kheo trong bộ chúng thứ nhất nói: “Các thầy tự thấy tội không?”, đáp: “Thấy tội, như pháp sám hối không khởi lại nữa”, bộ chúng thứ hai cũng nói như thế. Đây gọi là pháp Bố thảo Tỳ-ni.

Tất cả việc tranh cãi, vu báng, phạm tội và hòa hợp đều nhiếp thuộc Hiện tiền Tỳ-ni; nhưng chỉ có việc hòa hợp phải dùng pháp diệt tránh thứ bảy này mới dứt diệt được. Tất cả việc thiện, bất thiện, vô ký, mười bốn việc phá tăng, sáu việc tranh cãi về bốn sanh gọi chung là tránh sự (nơi người thì gọi là tránh, nơi Tăng thì gọi là sự) thì nên dùng ba pháp Tỳ-ni là hiện tiền, đa mịch và bố thảo để dứt diệt. Nếu do nơi thấy nghe nghi, làm hay không làm mà nói là phạm, gọi chung là xuất sự (nêu ra sự việc, nơi người thì gọi là xuất, nơi Tăng thì gọi là sự) thì



nên dùng bốn pháp Tỳ-ni là hiện tiền, ức niệm, bất si và thật mịch để dứt diệt. Nếu việc phát sanh từ thân khẩu ý gọi chung là phạm sự thì nên dùng hai pháp Tỳ-ni là hiện tiền và tự ngôn để dứt diệt. Nếu là việc thuộc Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người... tự Tăng này đến Tăng kia là gốc của sự việc, gọi chung là tác sự thì chỉ cần dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để dứt diệt.

